ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1526 /QĐ-UBND	*Cà Mau, ngày 10 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3086/QĐ-BTNMT ngày 10/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi và thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực đất đai, môi trường, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn, đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 358/TTr-STNMT ngày 05/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 10 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 *(kèm theo danh mục)*.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau./.

***Nơi nhận** (gửi VIC):*
- Như Điều 2;
- Cục KSTTHC, VPCP (CDVCQG);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng: NNTN, CCHC (Đời/105);
- Lưu: VT.TH11/8.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Sử

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH CÀ MAU

(Kèm theo Quyết định số 1526 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Số TT	Mã TTHC Địa phương	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ văn bản quy định sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính
I.	**Quyết định số 1776/QĐ-UBND ngày 30/10/2018**		
1.	1.004232.000.00.00.H12	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m^3/ngày đêm	Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau
2.	1.004228.000.00.00.H12	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m^3/ngày đêm	
3.	1.004223.000.00.00.H12	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m^3/ngày đêm	
4.	1.004211.000.00.00.H12	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m^3/ngày đêm	
5.	1.004179.000.00.00.H12	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m^3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m^3/ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m^3/ ngày đêm	

6.	1.004167.000.00.00.H12	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m^3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m^3/ ngày đêm; gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m^3/ ngày đêm	
7.	1.004152.000.00.00.H12	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m^3/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m^3/ngày đêm đối với các hoạt động khác	
8.	1.004140.000.00.00.H12	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nướcvới lưu lượng dưới 30.000m^3/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m^3/ngày đêm đối với các hoạt động khác	
9.	1.004122.000.00.00.H12	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	
10.	2.001738.000.00.00.H12	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	

Tổng số danh mục có 10 thủ tục hành chính./.

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH CÀ MAU

(Kèm theo Quyết định số 1526 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	1. Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ, thủ tục hành chính đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau thông qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau (Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Viettel, số 298, đường Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau), sau đây viết tắt cách thức thực hiện, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính là "Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh". 2. Hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, đăng ký tại địa chỉ website https://dangky.dichvucong.gov.vn/register hoặc Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Cà Mau, địa chỉ website http://dvctt.camau.gov.vn/thu-tuc-hanh-chinh (Sở Tài nguyên và Môi trường), nếu đủ điều kiện và có giá trị như nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, sau đây viết tắt là "Trực tuyến". 3. Thời gian tiếp nhận vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau: - Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút. - Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.						
1.	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung	*Phí thẩm định đề án thăm dò nước dưới đất:* *- Đề án có lưu lượng nước dưới*	- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012 của Quốc Hội (Luật Tài nguyên nước năm 2012); - Nghị định số 201/2013/NĐ-	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục

	công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ ngày đêm	Trường hợp chỉnh sửa, bổ sung sau thẩm định 12 ngày làm việc.	trường hợp nhận kết quả giải quyết) bằng một trong các cách thức sau: - Trực tiếp; - Qua đường bưu điện (bưu chính công ích); - Trực tuyến (cung cấp theo lộ trình).	tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.	*200 m³/ngày đêm, mức thu 400.000 đồng/hồ sơ;* *- Đề án có lưu lượng nước từ 200 m³/ngày đêm đến dưới 500 m³/ngày đêm, mức thu 1.100.000 đồng/hồ sơ;* *- Đề án có lưu lượng nước từ 500 m³/ngày đêm đến dưới 1.000 m³/ngày đêm, mức thu 2.600.000 đồng/hồ sơ;* *- Đề án có lưu lượng nước từ 1.000 m³/ngày đêm đến dưới 3.000 m³/ngày đêm, mức thu 5.000.000 đồng/hồ sơ.*	CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước (Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ); - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường (Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ); - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường (Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ); - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới	được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.004232" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

						đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước (Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường); *- Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Cà Mau (Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh).*	
2.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m^3/ ngày đêm	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp chỉnh sửa, bổ sung sau thẩm định 12 ngày làm việc.	Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả trường hợp nhận kết quả giải quyết) bằng một trong các cách thức sau: - Trực tiếp; - Qua đường bưu điện (bưu	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.	*Mức thu thẩm định lại đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất bằng 50% mức thu lần đầu.*	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.004228" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

			chính công ích); - Trực tuyến (cung cấp theo lộ trình).	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.		*- Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.*	
3.	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m^3/ ngày đêm	- 22 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp chỉnh sửa, bổ sung sau thẩm định 12 ngày làm việc. - Thời hạn trả quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận	Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả trường hợp nhận kết quả giải quyết) bằng một trong các cách thức sau: - Trực tiếp; - Qua đường bưu điện (bưu chính công ích); - Trực tuyến (cung cấp theo lộ trình).	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.	*1. Phí thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất:* *- Báo cáo có lưu lượng nước dưới 200 m^3/ngày đêm, mức thu 400.000 đồng/hồ sơ;* *- Báo cáo có lưu lượng nước từ 200 m^3/ngày đêm đến dưới 500 m^3/ngày đêm, mức thu 1.400.000 đồng/hồ sơ;* *- Báo cáo có lưu lượng nước từ 500 m^3/ngày đêm đến dưới 1.000 m^3/ngày đêm, mức thu 3.400.000 đồng/hồ sơ;*	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ); - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.004223" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

		được quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi thông báo cho chủ giấy phép và Cục Thuế tỉnh Cà Mau kèm theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.			*- Báo cáo có lưu lượng nước từ 1.000 m^3/ngày đêm đến dưới 3.000 m^3/ngày đêm, mức thu 6.000.000 đồng/hồ sơ.* *2. Phí thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất:* *- Báo cáo có lưu lượng nước dưới 200 m^3/ngày đêm, mức thu 400.000 đồng/hồ sơ;* *- Báo cáo có lưu lượng nước từ 200 m^3/ngày đêm đến dưới 500 m^3/ngày đêm, mức thu 1.100.000 đồng/hồ sơ;* *- Báo cáo có lưu lượng nước từ 500 m^3/ngày đêm đến dưới 1.000 m^3/ngày đêm, mức thu 2.600.000*	*- Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.*	

					đồng/hồ sơ; *- Báo cáo có lưu lượng nước từ 1.000 m^3/ngày đêm đến dưới 3.000 m^3/ngày đêm, mức thu 5.000.000 đồng/hồ sơ.*		
4.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m^3/ ngày đêm	17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp chỉnh sửa, bổ sung sau thẩm định 12 ngày làm việc.	Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả trường hợp nhận kết quả giải quyết) bằng một trong các cách thức sau: - Trực tiếp; - Qua đường bưu điện (bưu chính công ích); - Trực tuyến (cung cấp theo lộ trình).	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.	*Phí thẩm định lại hồ sơ gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất bằng 50% mức thu lần đầu.*	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; *- Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.*	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.004211" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

5.	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m^3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m^3/ ngày đêm; Cấp giấy phép khai	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ, thẩm định đề án, báo cáo: 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 15 ngày làm việc. - Thời hạn trả quyết định phê duyệt	Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả trường hợp nhận kết quả giải quyết) bằng một trong các cách thức sau: - Trực tiếp; - Qua đường bưu điện (bưu chính công ích); - Trực tuyến (cung cấp theo lộ trình).	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.	*Phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt:* *- Đề án, báo cáo có lưu lượng nước lớn hơn 100 m^3/ngày đêm đến dưới 10.000 m^3/ngày đêm, mức thu 600.000 đồng/hồ sơ.* *- Đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 10.000 m^3/ngày đêm đến dưới 20.000 m^3/ngày đêm, mức thu 1.800.000 đồng/hồ sơ.* *- Đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 20.000 m^3/ngày đêm đến dưới 30.000 m^3/ngày đêm, mức thu 4.400.000 đồng/hồ sơ.* *- Đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ*	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; *- Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.*	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.004179" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

	thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m^3/ ngày đêm	tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi thông báo cho chủ giấy phép và Cục thuế tỉnh Cà Mau, kèm theo quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.			*30.000 m^3/ngày đêm đến dưới 50.000 m^3/ngày đêm, mức thu 8.400.000 đồng/hồ sơ.*		

6.	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m^3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m^3/ngày đêm; gia hạn/điều	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ, thẩm định báo cáo: 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh 15 ngày làm việc.	Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả trường hợp nhận kết quả giải quyết) bằng một trong các cách thức sau: - Trực tiếp; - Qua đường bưu điện (bưu chính công ích); - Trực tuyến (cung cấp theo lộ trình).	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.	*Phí thẩm định lại đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt bằng 50% mức thu lần đầu.*	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; *- Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.*	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.004167" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

	chỉnh giấy phép khai thác sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m^3/ ngày đêm						
7.	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m^3/ ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu	22 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp chỉnh sửa, bổ sung sau thẩm định 12 ngày làm việc.	Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả trường hợp nhận kết quả giải quyết) bằng một trong các cách thức sau: - Trực tiếp; - Qua đường bưu điện (bưu chính công ích);	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường. - Cơ quan có	*Phí thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước:* *- Đề án, báo cáo có lưu lượng nước xả dưới 100 m^3/ngày đêm, mức thu 600.000 đồng/hồ sơ;* *- Đề án, báo cáo có lưu lượng nước xả từ 100 m^3/ngày đêm đến dưới 500 m^3/ngày đêm, mức*	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.004152" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

	lượng dưới 3.000m^3/ ngày đêm đối với các hoạt động khác		- Trực tuyến (cung cấp theo lộ trình).	thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.	*thu 1.800.000 đồng/hồ sơ;* *- Đề án, báo cáo có lưu lượng nước xả từ 500 m^3/ngày đêm đến dưới 2.000 m^3/ngày đêm, mức thu 4.400.000 đồng/hồ sơ;* *- Đề án, báo cáo có lưu lượng nước xả từ 2.000 m^3/ngày đêm đến dưới 3.000 m^3/ngày đêm, mức thu 8.400.000 đồng/hồ sơ.*	*- Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.*	
8.	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nướcvới lưu lượng dưới 30.000m^3/ ngày đêm	17 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp chỉnh sửa, bổ sung sau thẩm định 12 ngày làm việc.	Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả trường hợp nhận kết quả giải quyết) bằng một trong các cách thức sau: - Trực tiếp;	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài	*Phí thẩm định lại đề án, báo cáo xã nước thải vào nguồn nước bằng 50% mức thu lần đầu.*	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.004140" trên Cổng

	đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m³/ ngày đêm đối với các hoạt động khác		- Qua đường bưu điện (bưu chính công ích); - Trực tuyến (cung cấp theo lộ trình).	nguyên và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.		Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; *- Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.*	Dịch vụ công quốc gia
9.	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp chỉnh sửa, bổ sung sau thẩm định 08 ngày làm việc.	Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả trường hợp nhận kết quả giải quyết) bằng một trong các cách thức sau: - Trực tiếp; - Qua đường bưu điện (bưu chính công ích); - Trực tuyến (cung cấp theo lộ trình).	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.	*Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất, mức thu 1.400.000 đồng/hồ sơ.*	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất (Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường);	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "1.004122" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

						- Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.	
10.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Tổ chức, cá nhân lựa chọn gửi hồ sơ, thủ tục hành chính (bao gồm cả trường hợp nhận kết quả giải quyết) bằng một trong các cách thức sau: - Trực tiếp; - Qua đường bưu điện (bưu chính công ích); - Trực tuyến (cung cấp theo lộ trình).	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường. - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.	*Phí thẩm định lại hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất bằng 50% mức thu lần đầu.*	- Luật Tài nguyên nước năm 2012; - Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ; - Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; *- Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.*	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "2.001738" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

Tổng số danh mục có 10 thủ tục hành chính./.

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CÓ THỰC HIỆN VÀ KHÔNG THỰC HIỆN TIẾP NHẬN HỒ SƠ, TRẢ KẾT QUẢ QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH VÀ TRUNG TÂM GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 1526 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thủ tục hành chính			
		Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích		Tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh	
		Có	Không	Có	Không
I.	**Lĩnh vực Tài nguyên nước cấp tỉnh**	**10**	**0**	**10**	**0**
1.	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m^3/ngày đêm	X		X	
2.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m^3/ngày đêm	X		X	
3.	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m^3/ ngày đêm	X		X	
4.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m^3/ngày đêm	X		X	
5.	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m^3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m^3/ngày đêm; Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000m^3/ngày đêm	X		X	

6.	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m^3/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m^3/ngày đêm; gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới 100.000 m^3/ngày đêm	X		X	
7.	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m^3/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m^3/ngày đêm đối với các hoạt động khác	X		X	
8.	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép xả nước thải vào nguồn nướcvới lưu lượng dưới 30.000m^3/ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m^3/ngày đêm đối với các hoạt động khác	X		X	
9.	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	X		X	
10.	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ	X		X	

Tổng số danh mục có 10 thủ tục hành chính./.